

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai Hương, bà Nông Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nhất - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Quan Thị Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh H; sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường M, tỉnh Hưng Yên, (trước khi hợp nhất là tổ dân phố C, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên); Căn cước công dân số 033078002854; do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C cấp ngày 15/4/2021; vắng mặt, (xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị H1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn H, xã T, tỉnh Tuyên Quang, (trước khi hợp nhất xã là thôn H, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang); số định danh 002187008113; vắng mặt, (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh H khai: Anh Nguyễn Thanh H và chị Hoàng Thị H1 có đăng ký kết hôn ngày 28/8/2008, tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên (nay là phường M, tỉnh Hưng Yên). Sau khi kết hôn, anh H và chị H1 chung sống với gia đình bố, mẹ chồng. Anh H và chị H1 sống hạnh phúc được khoảng 4 năm, đến năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, quan niệm về hôn nhân, cách đối nhân xử thế trong gia đình, xã hội. Từ năm 2012 chị H1 về nhà bố, mẹ đẻ thuộc thôn H, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang ở, từ năm 2012 đến nay chị

H1 có về thăm các con một lần, thỉnh thoảng chị H1 có gửi quà, gọi điện thăm các con, khi chị H1 gọi điện cho các con, tôi muốn gặp để yêu cầu chị H1 về nhà cùng nhau giải quyết việc ly hôn nhưng chị H1 không muốn gặp anh H, chị H1 thường xuyên không nghe điện thoại của tôi, thay đổi số điện thoại nhiều lần, anh H đã nhiều lần lên nhà bố, mẹ của chị H1 để hỏi thông tin địa chỉ, số điện thoại của chị H1 nhưng gia đình bố, mẹ của chị H1 trả lời không biết. Đến nay anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm được nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị H1. Anh H và chị H1 có hai con chung tên là Nguyễn Tuấn H2, sinh ngày 10/7/2008 và Nguyễn Thị Thanh H3, sinh ngày 06/3/2010, khi ly hôn anh H có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi các con là H2 và H3 cho đến khi các con trưởng thành. Anh H không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ chung, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Hoàng Thị H1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản khác của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tuyên Quang theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị H1 không nộp cho Tòa án văn bản nào về ý kiến của chị H1 đối với yêu cầu khởi kiện của anh H, cũng như không nộp cho Tòa án bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào. Chị H1 cũng không có mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án.

Các con chung chưa thành niên tên là Nguyễn Tuấn H2 và Nguyễn Thị Thanh H3, khai đều có nguyện vọng được ở với anh H.

Đại diện của gia đình, thôn, Công an xã và chính quyền địa phương nơi chị H1 cư trú cho biết: Anh Nguyễn Thanh H và chị Hoàng Thị H1 có đăng ký kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, sau khi kết hôn chị H1 làm ăn, sinh sống tại gia đình nhà bố, mẹ chồng, đến năm 2012 chị H1 về sinh sống, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang, (nay là thôn H, xã T, tỉnh Tuyên Quang). Quá trình chị H1 ở cùng gia đình tại địa phương, gia đình nghe chị H1 kể lại là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, chị H1 và anh H thường xuyên xích mích, cãi cọ nhau, còn cụ thể việc mâu thuẫn giữa vợ chồng như thế nào thì gia đình, chính quyền địa phương không biết, gia đình có khuyên bảo chị Hồng suy N lại về nhà cùng anh H nuôi dạy các con nhưng chị H1 không nghe, chị H1 không có việc làm ổn định, thường xuyên đi làm thỉnh thoảng về một vài ngày rồi chị H1 lại đi. Chị H1 thường xuyên đi đâu, làm gì, ở đâu thì chính quyền địa phương không biết. Chị H1 làm nghề lao động tự do và hiện tại vắng mặt tại nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về; chị H1 cũng không làm thủ tục vắng mặt tại nơi cư trú. Anh H và chị H1 đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, anh H và chị H1 có hai con chung là Nguyễn Tuấn H2 và Nguyễn Thị Thanh H3, hiện nay các con chung của chị H1 và anh H đang ở với anh H. Anh H có yêu cầu ly hôn, còn các nguyện vọng khác của vợ, chồng, con thì chính quyền địa phương không biết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng

không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự có liên quan đến mình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; đề nghị HĐXX tuyên: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thanh H được ly hôn với chị Hoàng Thị H1; về việc nuôi con: Khi ly hôn anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con H2 và H3, chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con; về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H4 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002465 ngày 16/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5- Tuyên Quang; nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Thanh H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tuyên Quang, (trước đây là Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang) giải quyết ly hôn với chị Hoàng Thị H1, có nơi cư trú tại thôn H, xã T, tỉnh Tuyên Quang, (trước đây là thôn H, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang). Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H và bị đơn chị Hoàng Thị H1.

[3] Anh Nguyễn Thanh H và chị Hoàng Thị H1 tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28/8/2008, tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên (nay là phường M, tỉnh Hưng Yên) là kết hôn hợp pháp. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản xác minh thì, anh H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, quan niệm về hôn nhân, cách đối nhân xử thế trong gia đình, xã hội. Từ năm 2012 chị H1 về nhà bố, mẹ đẻ ở thôn H, xã T, tỉnh Tuyên Quang, anh H và chị H1 không quan tâm gì đến nhau nữa. Căn cứ vào lời khai của anh H cũng như các tài liệu, chứng cứ mà anh H đã nộp cho Tòa án, Bản tự khai nguyện vọng của con chung cũng như thông tin do đại diện của gia đình, thôn, chính quyền địa phương nơi chị H1 cư trú cung cấp thì Tòa án thấy vợ chồng anh H và chị H1 đã phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến ly thân; mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được, cần áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho anh H ly hôn với chị H1.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Tuấn H2, sinh ngày 10/7/2008, Nguyễn Thị Thanh H3, sinh ngày 06/3/2010, hiện các cháu đang ở cùng với anh H. Xét thấy yêu cầu của anh H và nguyện vọng của các con chung, cần căn cứ các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con chung chưa thành niên cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tòa án đã giải thích quy định của pháp luật về cấp dưỡng nuôi con nhưng anh H tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

*** Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Nguyễn Thanh H ly hôn chị Hoàng Thị H1.

*** Về con chung:** Giao các con chung là Nguyễn Tuấn H2, sinh ngày 10/7/2008, Nguyễn Thị Thanh H3, sinh ngày 06/3/2010 cho anh Nguyễn Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Hoàng Thị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*** Về án phí:** Anh Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002465 ngày 17/6/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang, (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - Tuyên Quang), anh Nguyễn Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*** Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 5 - Tuyên Quang;
- Phòng THADS Khu vực 5 - Tuyên Quang;
- UBND phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên;
(nơi đã thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hà Mạnh Cường